

Bản án số: 09/2020/ST-DS

Ngày 11 - 8 - 2020

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh và bà Nguyễn Kim Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Khuất Thu Hương, Kiểm sát viên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vương Thị K, sinh năm 1971. (có mặt)

*HKTT:* Cụm 7 (nay là thôn 7), xã Q, huyện P

*Bị đơn:* 1. Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1974. (vắng mặt)

2. Chị Giang Thị V, sinh năm 1977. (vắng mặt)

*Cùng HKTT:* Cụm 10 (nay là thôn 10), xã Q, huyện P

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là chị Vương Thị K trình bày: Chị và vợ chồng anh T chị V có quan hệ cùng xã nên quen biết nhau. Khi vợ chồng anh T chị V hỏi vay tiền của chị để làm đồ mộc, lúc đó chị đang có tiền đang gửi tiết kiệm trong Quỹ tín dụng (lãi suất gửi 1.5%/tháng) nên chị nói với anh chị V T: Chị rút tiền gửi ở tín dụng về, cho vợ chồng em vay với mức lãi suất 2%/tháng, nếu

đồng ý thì chị mới rút tiền về cho vay. Vợ chồng họ đồng ý luôn và còn nói là chị tốt với vợ chồng em quá. Ngày 22/8/2014, chị rút 200.000.000đồng và cho vợ chồng V T vay luôn. Anh T điền các thông tin vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 22/8/2014: Anh T và chị V vay của chị số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Khoảng 2 ngày sau, chị tiếp tục rút 50.000.000đồng gửi tín dụng và cho anh chị V T vay tiếp. Các bên cùng thỏa thuận thời hạn vay, mức lãi suất như khoản vay 200.000.000đồng và không viết giấy vay tiền mới mà viết luôn vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 22/8/2014. Anh T trực tiếp viết cộng 50.000.000đồng cả bằng số và bằng chữ vào Giấy vay tiền đó. Tổng cộng, anh T và chị V vay của chị số tiền 250.000.000đồng tiền gốc, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 24/8/2014 (ngày cho vay đủ số tiền 250.000.000đ). Sau khi vay tiền, chị V trả tiền lãi cho chị một số tháng mức 2%, sau đó chị hạ lãi xuống mức 1.8%. Chị không nhớ chính xác chị V đã trả cho chị bao nhiêu lần và mỗi lần trả bao nhiêu tiền vì các bên đều không viết giấy tờ gì, không có ai chứng kiến. Chị chỉ nhớ tổng số tiền lãi chị V đã trả là 70.000.000đồng. Sau đó, họ không trả nữa. Chị đã đến đòi nhiều lần cả tiền gốc và tiền lãi nhưng họ đều khát lần và không trả thêm đồng nào. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh T và chị V phải trả tiền gốc 250.000.000đồng, tiền lãi từ khi vay đến nay mức 1.5%/tháng; yêu cầu trả cả gốc và lãi làm 1 lần. Tại phiên tòa, chị K yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay; đề nghị Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V trình bày: Năm 2014, vợ chồng anh chị có vay của chị Vương Thị K số tiền 250.000.000đồng. Các bên lập Giấy biên nhận vay tiền, thời hạn vay, mức lãi suất đúng như đã thỏa thuận trong Giấy biên nhận. Sau khi vay tiền của chị K, anh chị đã trả tiền lãi cho chị K khoảng 70.000.000đồng (tất cả những lần trả tiền lãi cho chị K chỉ có chị V trả, không viết giấy tờ gì, không có ai chứng kiến). Sau đó làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh chị không trả được cho chị K thêm đồng tiền lãi nào nữa, còn tiền gốc thì vẫn nợ nguyên 250.000.000đồng. Từ năm 2016-2017, vợ chồng anh chị cùng chị K tìm nhiều biện pháp để có tiền trả cho chị K nhưng đều không đạt kết quả. Tại thời điểm năm 2016, chị K bảo vợ chồng anh chị là nếu vay được tiền thì chị K chỉ lấy 250.000.000đồng tiền gốc và 50.000.000đồng tiền lãi nữa, nhưng anh chị không vay được. Nay chị K khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu anh chị trả nợ số tiền gốc 250.000.000đồng và lãi suất mức 1.5%/tháng kể từ khi vay đến nay. Ý kiến của anh chị là: Chỉ trả cho chị K 250.000.000đồng tiền gốc và lãi suất mức 1%/tháng kể từ tháng 01/2018 đến nay, vì trước

đây chị K đã nói với anh chị là chỉ yêu cầu trả lãi 50.000.000đồng nữa. Anh chị xin trả dần 5.000.000đồng/tháng vì hiện nay làm ăn đang khó khăn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không đạt được thỏa thuận.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vương Thị K: Buộc anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V phải trả cho chị K toàn bộ số tiền gốc là 250.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay tiền đến ngày xét xử. Không áp dụng thời hiệu khởi kiện do đương sự không yêu cầu. Anh T và chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc của chị Vương Thị K:

Do quan hệ quen biết là người cùng xã nên ngày 22/8/2014 chị Vương Thị K cho vợ chồng anh Đỗ Hữu T, chị Giang Thị V vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền. Khoảng 2 ngày sau, chị K cho anh chị T V vay tiếp 50.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay và mức lãi suất như khoản vay 200.000.000đồng ngày 22/8/2014 và không viết giấy riêng mà anh T viết cộng 50.000.000đồng vào giấy vay tiền ngày 22/8/2014, tổng cộng 250.000.000đồng. Cả chị K và vợ chồng anh chị T V đều công nhận giấy vay nợ trên là đúng. Sau khi vay tiền, anh T chị V chưa trả được đồng nợ gốc nào. Nay chị K khởi kiện yêu cầu anh T và chị V trả nợ số tiền gốc 250.000.000 đồng là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu đòi tiền nợ lãi của chị Vương Thị K:

Chị K và anh T chị V thỏa thuận trong giấy vay nợ ngày 22/8/2014, thời hạn vay 01 năm. Theo giấy vay nợ trên thì vợ chồng anh T phải trả tiền gốc cho chị K sau 01 năm kể từ ngày vay tiền, nhưng vợ chồng anh T không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận. Các bên cũng không có thêm thỏa thuận nào khác. Chị K biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm ngay sau khi vợ chồng anh T không thực hiện nghĩa vụ nhưng chị K không khởi kiện đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định của pháp luật, thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 16/3/2020, chị K mới khởi kiện đến Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với phần tiền lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện; bị đơn không có ý kiến, đề nghị gì về

thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được giải quyết theo trình tự thông thường không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tại phiên tòa, chị K yêu cầu anh T và chị V phải trả tiền lãi từ khi vay đến nay theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Về lãi suất: Khi giao dịch, các bên thỏa thuận mức lãi suất vay là 2%/tháng (24%/năm) là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Mức lãi suất cơ bản theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 9,0%/năm (0,75%/tháng). Theo quy định tại khoản 1 điều 476 BLDS 2005 thì lãi suất được chấp nhận là 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, tức là  $0,75\%/tháng \times 150\% = 1,125\%/tháng$  (13,5%/năm), (0.0375%/ngày).

Cụ thể: Từ ngày 24/8/2014 (là ngày vay đủ số tiền 250.000.000đ) đến ngày 11/8/2020 là 5 năm 11 tháng 17 ngày, tiền lãi là: 5 năm 11 tháng 17 ngày  $\times$  1.125%/tháng = 201.281.000đồng

Tổng cả tiền gốc và tiền lãi, anh T và chị V còn nợ chị K là: 250.000.000đ + 201.281.000đ – 70.000.000đ (đã trả) = 381.281.000đ. Buộc anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V phải trả cho chị Vương Thị K số tiền này.

[3]. Anh T và chị V đề nghị chỉ trả lãi suất mức 1%/tháng kể từ tháng 01/2018 đến nay là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh T và chị V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Hoàn trả chị K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V.

2. Buộc anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V phải trả cho chị Vương Thị K số tiền 381.281.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Đỗ Hữu T và chị Giang Thị V phải chịu 19.064.000 đồng (*mười chín triệu không trăm sáu tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Vương Thị K số tiền 21.640.000 đồng (*hai một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003074 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Đức Hiếu**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. H;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Hoàng Đức Hiếu**